

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2019

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Lan Nhung.

2. Bà Ngô Thị Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn x, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Khi về chung sống do vợ chồng không hợp nhau, không cùng tiếng nói chung nên phát sinh mâu thuẫn và chung sống không có hạnh phúc. Vì vậy, từ tháng 02/2018 vợ chồng anh chị đã sống ly thân đến nay. Nay chị H nhận thấy không thể cải thiện quan hệ vợ chồng nên chị H yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Nguyễn Nam Bình A, sinh ngày 04/02/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị H yêu cầu để tự thỏa thuận giải quyết nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị H không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, nhưng anh T đều không có văn bản trình bày cụ thể ý kiến của mình gửi cho Tòa án và đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập. Qua xác minh người thân của anh T thì được biết vợ chồng anh T, chị H có phát sinh mâu thuẫn sau khi chị H sinh con, nguyên nhân chủ yếu là do anh T và gia đình chị H bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cũng như không thống nhất với nhau về nơi ở của vợ chồng nên hai bên có những lời lẽ xúc phạm nhau và đã tự sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, trong thời gian này hai bên cũng không đi lại để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Nam Bình A và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, về tài sản chung và nợ chung chị H không yêu cầu giải quyết còn anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết H. Về con chung: Giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà không thể cải thiện được nên chị H làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm trong cách chăm sóc con chung và không thống nhất về nơi ở của vợ chồng, trong khi đó vợ chồng còn trẻ nên trong cách xử sự đôi lúc thiếu tế nhị, chưa dung hòa được mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình dẫn đến mâu thuẫn hai bên nặng nề hơn. Đồng thời, do cố chấp nên cả đôi bên đều không tìm được biện pháp cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng và đã tự sống ly thân gần một năm nay. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để anh T đến Tòa làm việc và tham gia hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí để cải thiện quan hệ hôn nhân này. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Nam Bình A, sinh ngày 04/02/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, qua xác minh hai bên gia đình của chị H, anh T thì được biết từ khi sinh cháu A đến nay thì cháu A do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, từ khi chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh T cũng không có văn bản trình bày có nguyện vọng được nuôi con. Hơn nữa, hiện nay cháu A chưa được 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ nhiều hơn. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Nguyễn Nam Bình A cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] *Về việc cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng. Xét thấy, qua xác minh thực tế tại địa phương thì được biết anh T hiện không có tài sản gì lớn nhưng anh T có công việc. Mặc dù, công việc chưa ổn định nhưng anh T vẫn có thu nhập và việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là trách nhiệm chung của vợ chồng nên để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con khi bố mẹ ly hôn cũng như thể hiện trách nhiệm làm cha của anh T đối với con, cần buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về vấn đề tài sản chung, về nợ chung không có. Vì vậy, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết H, xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Nam Bình A, sinh ngày 04/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Tuyết H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000808 ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Báo cho chị Nguyễn Thị Tuyết H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/01/2019). Riêng anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã M;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy